TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02 /2021/HS-ST
Ngày: 07/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nhơn;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Kiên và bà Lê Thị Toan.
Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa***: Ông Đào Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 181/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H (Tên gọi khác: Cường)**;** sinh năm 1981 tại Gia Lai; nơi cư trú: Thôn Văn Yên, xã Ia Yok, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Thợ xây; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; ông: Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Nguyễn Cẩm T và 02 người con, tiền sự: Không; Tiền án: 02 lần; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/8/2020 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

Người bị hại:
- Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1972; địa chỉ: 124 P, tổ 14, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Anh Lê Quang D, sinh năm 1985; địa chỉ: 01 L, tổ 6, phương T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
- Chị Nguyễn Cẩm T, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn V, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H là người đã bị kết án các về tội: *"Cướp giật tài sản", "Trộm cắp tài sản"* và chưa được xóa án tích. Sáng ngày 05/8/2020, H điều khiển xe mô tô biển số 81B1-604.86 đi dạo trên địa bàn phường Y, thành phố P để tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Khi đi đến trước nhà số 124 đường P, thuộc tổ 14, phường Y, H phát hiện cửa cổng không đóng nên dừng xe lại để đột nhập vào trong trộm cắp tài sản; đây là nhà của ông Nguyễn Đức T (sinh năm 1972). Lúc này khoảng 08 giờ cùng ngày, H đi vào trong sân thì thấy cửa chính phía

trước nhà chỉ khép hờ, nên dùng tay mở cửa chính đi vào phòng khách. H quan sát trong phòng khách, thì thấy có 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7Plus màu đen đang để phía trên bàn thờ ông Địa, nên đi đến lấy cho vào túi quần, rồi ra điều khiển xe mô tô 81B1-604 86 tẩu thoát. Sau đó, H mang điện thoại trộm cắp được đến cửa hàng điện thoại Duy Cao Nguyên (số 01 đường L, phường T, thành phố P) bán cho ông Lê Quang D (sinh năm 1985, là chủ cửa hàng) được 4.000.000 đồng, sử dụng tiêu xài. Sau khi phát hiện bị mất điện thoại di động, ông Nguyễn Đức Tắng đã đến Công an phường Y, thành phố P trình báo. Đến 17 giờ cùng ngày, biết không thể che giấu hành vi của mình, H đến Công an phường Y, thành phố P đầu thú, khai nhận về hành vi trộm cắp điện thoại di động tại nhà ông Thắng. Khi ra đầu thú, H giao nộp cho cơ quan Công an xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, màu sơn đỏ-đen, biển số 81B1-604.86 và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Công an phường Ychuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P xử lý. Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với ông Lê Quang D, thì ông Duy giao nộp lại điện thoại di dộng hiệu Iphone 7Plus màu đen đã mua của H trước đó.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P kết luận: Điện thoại di động hiệu Iphone 7Plus màu đen của ông Nguyễn Đức T bị Nguyễn Văn H chiếm đoạt vào ngày 05/8/2020, có trị giá 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi định giá, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P đã xử lý trả lại chiếc điện thoại di động trên cho ông Thắng.

Đối với các tài sản Nguyễn Văn H giao nộp khi ra đầu thú, qua điều tra xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, màu sơn đỏ-đen, biển số 81B1-604.86 (số máy JA32E0038528, số khung 3229EY038868) là phương tiện H đã sử dụng để đi trộm cắp điện thoại di động của ông Nguyễn Đức T vào ngày 05/8/2020; xe này là tài sản chung của H và vợ là Nguyễn Cẩm T, do H đứng tên đăng ký; việc H sử dụng xe trên làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, thì chị Thúy không biết. Số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền còn lại trong số tiền 4.000.000 đồng do H bán điện thoại di động trộm cắp mà có (H đã tiêu xài hết 3.850.000 đồng). Cơ quan điều tra chuyển các tài sản trên theo vụ án để xử lý.

Về dân sự: Sau khi được nhận lại điện thoại di động bị chiếm đoạt, ông Nguyễn Đức T không có yêu cầu về dân sự và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Văn H; ông Lê Quang D cũng không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Nguyễn Văn H có nhân thân xấu; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, đã ra đầu thú; quá trình điều tra, truy tố vụ án, H đều thành khẩn khai nhận về hành vi của bản thân và các tình tiết có liên quan; người bị hại đề nghị xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

Tại Bản cáo trạng số: 183/CT-VKS ngày 13/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H về tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đính chính bản cáo trạng tại trang số 5, dòng thứ 4 từ trên xuống dưới với nội dung: "Không xem xét trách nhiệm hình sự với ông Lê Quang D về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận diễn biến vụ án đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố cũng như các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và không có ý kiến hoặc khiếu nại gì.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn H và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm: s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, tính từ ngày bị tạm giữ 05/8/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 150.000đ do phạm tội mà có; trả lại chiếc xe moto hiệu Wave RSX, màu sơn đỏ-đen, biển số 81B1-604.86 (số máy JA32E0038528, số khung 3229EY038868 là tài sản chung của vợ chồng bị cáo.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo thừa nhận mức hình phạt mà Kiểm sát viên công bố và những nội dung khác mà Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp nên không có ý kiến tranh luận gì.

Nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về đoàn tụ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 17/7/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai xử phạt 30 tháng tù về tội: *"Cướp giật tài sản"* (theo quy định tại khoản 1 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009) và 12 tháng tù về tội: *"Trộm cắp tài sản"* (theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), tại Bản án số 31/2015/HSST; chấp hành tại Trại giam Xuân Phước, Bộ Công an. Ngày 27/9/2017, chấp hành xong hình phạt tù.

Ngày 09/4/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xử phạt 15 tháng tù về tội: *"Trộm cắp tài sản"* (theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017), tại Bản án số 07/2018/HSST; chấp hành tại Trại giam Xuân Phước, Bộ Công an. Ngày 27/4/2019, chấp hành xong hình phạt tù.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo không có ý kiến hoặc có khiếu nại. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi thực hiện tội phạm bị cáo:

Sáng ngày 05/8/2020 bị cáo Nguyễn Văn H đi làm nghề xây dựng tại địa bàn giáp ranh với thành phố P, nhưng do thời tiết xấu nên phải nghỉ việc. Bị cáo dự định vào thành phố P để mua sắm đồ dùng. Nhưng khi đến nơi, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 81B1-604.86 đi dạo quanh để tìm cơ hội. Khoảng 08 giờ ngày 05/8/2020 H đi đến số nhà 124 đường P, Tổ 14, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai của ông Nguyễn Đức T, thấy cổng nhà và cửa không đóng và không có người trông nhà,

Nguyễn Văn H đã vào phòng khách nhà ông Thắng, lấy 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7Plus màu đen đưa đến cửa hàng điện thoại bán cho ông Lê Quang D. Giá trị tài sản mà bị cáo Nguyễn Văn H chiếm đoạt là 4.500.000đ.

Hành vi lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác trong quản lý của chủ sở hữu để chiếm đoạt tài sản người khác của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây tâm lý bất an trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Khi phạm tội bị cáo có hai tiền án về tội chiếm đoạt tài sản của người khác nên đã phạm vào khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 về tội "Trộm cắp tài sản".

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện đến cơ quan Công an khai báo hành vi phạm tội của mình, giúp cho cơ quan Điều tra nhanh chóng kết thúc vụ án; tài sản đã được thu hồi trả cho chủ sở hữu và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; do đó Hội đồng xét xử sẽ xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về vật chứng vụ án:

- Vật chứng trong vụ án là xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, màu sơn đỏ-đen, biển số 81B1-604.86 (số máy JA32E0038528, số khung 3229EY038868) là phương tiện H đã sử dụng để đi trộm cắp điện thoại di động của ông Nguyễn Đức T vào ngày 05/8/2020; xe này là tài sản chung của H và vợ là Nguyễn Cẩm T, do H đứng tên đăng ký; Đây là phương tiện phục vụ cho việc đi lại làm ăn cho gia đình, H sử dụng xe trên làm phương tiện đi làm, không nhằm mục đích để trộm cắp tài sản; chị Thúy không biết H sử dụng xe để đi trộm cắp, tài sản chiếm đoạt đươc bị cáo cũng không mang về cho gia đình. Do đó cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Cẩm T.

- Đối với 150.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Xét thấy đây là tài sản do bị cáo Nguyễn Văn Hoà phạm tội mà có nên cần phải tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm g, khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015,

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 05/8/2020.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử: Trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, màu sơn đỏ-đen, biển số 81B1-604.86 (số máy JA32E0038528, số khung 3229EY038868) cho bị cáo Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Cẩm T.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 150.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu giữ của Nguyễn Văn H.

(Tình trạng vật chứng như trong biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/12/2020 giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự thành phố P,tỉnh Gia Lai)

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại và người có quyền, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Gia lai;
- VKS TP P;
- Công an Tp. P;
- THADS Tp.P;
- Bị cáo;
- Lưu hs.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Nhơn